

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đình Vọng	Chủ tịch
Ông Phan Trường Sơn	Ủy viên
Ông Vương Đăng Phương	Ủy viên
Bà Lê Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Trường Sơn	Giám đốc	
Ông Vương Đăng Phương	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Trần Vũ Anh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/01/2012

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trịnh Duy Hoàn	Trưởng ban
Ông Đoàn Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Trường Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012



Số: 157 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1369/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		643.672.259.618	831.348.706.549
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	17.640.559.190	23.600.173.289
111	1. Tiền		8.825.559.190	10.000.173.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.815.000.000	13.600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	1.400.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	1.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		168.482.070.706	211.513.246.282
131	1. Phải thu của khách hàng		114.920.646.668	155.071.155.569
132	2. Trả trước cho người bán		16.272.940.869	17.574.751.621
135	5. Các khoản phải thu khác	5	37.727.562.169	39.306.418.092
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(439.079.000)	(439.079.000)
140	IV. Hàng tồn kho	6	408.394.518.151	546.692.706.866
141	1. Hàng tồn kho		408.394.518.151	546.692.706.866
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		49.155.111.571	48.142.580.112
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		63.920.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.069.658.907	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	47.021.532.664	48.142.580.112
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.715.976.796	19.764.378.212
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		450.489.000	856.506.881
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		450.489.000	856.506.881
220	II. Tài sản cố định		8.704.640.138	8.345.361.289
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.844.585.822	3.485.306.973
222	- Nguyên giá		13.715.831.750	12.206.862.656
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.871.245.928)	(8.721.555.683)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.860.054.316	4.860.054.316
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	12.610.000.000	7.610.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		12.610.000.000	7.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.950.847.658	2.952.510.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.285.667.273	2.407.146.722
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.2	654.180.385	534.363.320
268	3. Tài sản dài hạn khác		11.000.000	11.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		668.388.236.414	851.113.084.761

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		487.500.375.921	705.606.284.110
310	I. Nợ ngắn hạn		486.871.803.056	703.778.894.074
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	82.134.106.100	160.509.883.400
312	2. Phải trả người bán		130.565.570.640	242.420.764.070
313	3. Người mua trả tiền trước		55.035.892.906	75.567.193.123
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.508.422.145	10.855.787.174
316	6. Chi phí phải trả	14	15.429.563.250	47.176.095.150
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	191.381.285.240	168.006.081.635
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		951.505.740	
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		865.457.035	(756.910.478)
330	II. Nợ dài hạn		628.572.865	1.827.390.036
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		628.572.865	577.693.853
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	1.249.696.183
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		167.409.166.787	141.479.011.466
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	167.409.166.787	141.479.011.466
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		9.615.503.784	2.035.928.453
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.126.633.418	4.586.345.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		51.667.589.585	34.857.297.887
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ		13.478.693.706	4.027.789.185
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		668.388.236.414	851.113.084.761

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Euro (EUR)		92,44	369,13



Lê Thị Lan
Kế toán trưởngPhan Trương Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	767.594.972.644	558.689.086.834
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	510.297.718	1.471.661.181
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	767.084.674.926	557.217.425.653
11	4. Giá vốn hàng bán	20	668.121.748.609	489.633.646.857
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.962.926.317	67.583.778.796
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36.436.340.170	26.044.100.448
22	7. Chi phí tài chính	22	24.880.711.810	18.746.210.970
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.380.711.810	18.746.210.970
24	8. Chi phí bán hàng	23	951.505.740	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	42.147.358.190	26.119.927.985
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		67.419.690.747	48.761.740.289
31	11. Thu nhập khác		744.562.759	3.246.911.764
32	12. Chi phí khác		490.835.999	1.989.150.484
40	13. Lợi nhuận khác		253.726.760	1.257.761.280
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		67.673.417.507	50.019.501.569
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	16.766.460.766	12.652.126.815
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.2	125.613.611	(103.855.204)
	Lợi nhuận sau thuế chia cho đối tác		1.453.336.738	561.621.401
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		49.328.006.392	36.909.608.557
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.058.115.017	311.387.687
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		48.269.891.375	36.598.220.870
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		4.827	5.104

Lê Thị Lan
Kế toán trưởngPhan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		834.255.099.636	539.439.963.735
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(608.295.689.635)		(534.349.904.544)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(95.993.828.107)		(83.441.508.908)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(26.558.257.671)		(17.611.169.261)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.901.705.242)		(14.517.260.852)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14.036.695.813		22.290.170.258
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(34.633.346.014)		(67.595.851.648)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		63.908.968.780	(155.785.561.220)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(3.521.074.139)		(235.600.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	433.500.000		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6.900.000.000)		(38.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	8.300.000.000		73.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.000.000.000)		(7.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		14.400.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	34.194.007.382		24.587.909.628
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27.506.433.243		66.252.308.719
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-		30.089.437.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	313.001.356.100		343.369.668.303
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(391.377.133.400)		(277.642.329.403)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(18.999.238.822)		(12.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(97.375.016.122)		83.316.775.900

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.959.614.099)	(6.216.476.601)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.600.173.289	29.816.649.890
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>17.640.559.190</u>	<u>23.600.173.289</u>

(Signature)

Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



(Signature)

Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011**1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 99.999.440.000 VND. Tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty tại Miền Nam	P603 Tòa nhà 159, Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, Khu đô thị mới Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.2	Số nhà 15, Lô 11, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.3	Số nhà 01, Lô 11, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

153
HÀ
VĂN
TÀI
TOÁN
TP. HÀ

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế***Thuế hiện hành***

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Hợp đồng ủy thác đầu tư***

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2010

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 căn cứ trên Báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 01 năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm 2010 VND	Số liệu điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán của KTNV VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu của khách hàng	131	151.317.311.569	155.071.155.569	3.753.844.000	(1)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	-	(439.079.000)	(439.079.000)	(2)
Hàng tồn kho	141	554.193.652.941	546.692.706.866	(7.500.946.075)	(3)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	4.860.054.316	4.860.054.316	(4)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.658.755.969	10.855.787.174	2.197.031.205	(5)
Chi phí phải trả	316	54.266.571.094	47.176.095.150	(7.090.475.944)	(6)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	29.289.979.907	34.857.297.887	5.567.317.980	(7)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	555.276.501.379	558.689.086.834	3.412.585.455	(1)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	553.804.840.198	557.217.425.653	3.412.585.455	(1)
Giá vốn hàng bán	11	494.083.231.042	489.633.646.857	(4.449.584.185)	(8)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.142.446.370	26.044.100.448	22.901.654.078	(9)
Chi phí tài chính	22	-	18.746.210.970	18.746.210.970	(9)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21.525.405.877	26.119.927.985	4.594.522.108	(9)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	10.796.354.155	12.652.126.815	1.855.772.660	(5)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm 2010</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán của KTNN</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	31.342.290.577	36.909.608.557	5.567.317.980	(7)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	31.030.902.890	36.598.220.870	5.567.317.980	(7)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.313	5.104	791	(7)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(511.448.250.466)	(534.349.904.544)	(22.901.654.078)	(9)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.686.255.550	24.587.909.628	22.901.654.078	(9)

- (1) Ghi tăng doanh thu và thuế công trình Trường Trung cấp cảnh sát Sóc Sơn vào năm 2010, trong đó doanh thu là 3.412.585.455 đồng, thuế GTGT đầu ra 341.258.545 đồng.
- (2) Trích lập dự phòng đối với khoản phải thu khó đòi theo đúng quy định.
- (3) Trong đó: điều chỉnh tăng kết chuyển giá vốn, giảm CPSXKDD của công trình Trường Trung cấp cảnh sát Sóc Sơn số tiền 3.337.508.575 đồng; điều chỉnh phân loại lại từ CPSXKDDD sang CPXDCBDD theo diện tích phần thuộc sở hữu của Công ty tại dự án 123 Tô Hiệu số tiền 4.163.437.500 đồng.
- (4) Phân bổ CPXDCBDD cho diện tích phần thuộc sở hữu của Công ty tại dự án 123 Tô Hiệu số tiền 4.163.437.500 đồng; dự án T1 - T10 CT18 Việt Hưng số tiền 696.616.816 đồng.
- (5) Tăng thuế GTGT đầu ra công trình Trường Trung cấp cảnh sát Sóc Sơn số tiền 341.258.545 đồng, tăng thuế TNDN phải nộp do ảnh hưởng của các điều chỉnh khác số tiền 1.855.772.660 đồng.
- (6) Giảm chi phí trích trước vào giá vốn dự án T1 - T10 CT18 Việt Hưng số tiền 7.090.475.944 đồng.
- (7) Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại doanh thu và chi phí trong kỳ số tiền 5.567.317.980 đồng.
- (8) Tăng giá vốn công trình Trường Trung cấp cảnh sát Sóc Sơn số tiền 3.337.508.575 đồng, giảm giá vốn dự án T1 - T10 CT18 số tiền 696.616.816 đồng.
- (9) Trình bày lại lại doanh thu tài chính và chi phí tài chính từ hoạt động cho vay và đi vay vốn sản xuất, trước đang hạch toán bù trừ trên chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.659.491.235	5.861.303.288
Tiền gửi ngân hàng	2.166.067.955	4.138.870.001
Các khoản tương đương tiền	8.815.000.000	13.600.000.000
	<u>17.640.559.190</u>	<u>23.600.173.289</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	763.877.234	2.744.676.053
Phải thu về các đội xây lắp	2.290.276.150	2.290.276.150
Phải thu khác	2.190.408.785	1.788.465.889
	<u>37.727.562.169</u>	<u>39.306.418.092</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	408.394.518.151	546.692.706.866
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>408.394.518.151</u>	<u>546.692.706.866</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	47.021.532.664	48.142.580.112
	<u>47.021.532.664</u>	<u>48.142.580.112</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	-	6.363.470.325	4.752.042.752	1.068.622.306	22.727.273		12.206.862.656
Số tăng trong năm	-	134.545.455	1.786.085.457	164.358.182	-		2.084.989.094
- Mua sắm mới	-	134.545.455	1.786.085.457	164.358.182	-		2.084.989.094
Số giảm trong năm	-	-	(550.000.000)	(26.020.000)	-		(576.020.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(550.000.000)	(26.020.000)	-		(576.020.000)
Số dư cuối năm	-	6.498.015.780	5.988.128.209	1.206.960.488	22.727.273		13.715.831.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	-	5.448.613.773	2.512.998.892	737.215.745	22.727.273		8.721.555.683
Số tăng trong năm	-	508.096.854	656.071.111	210.153.394	-		1.374.321.359
- Trích khấu hao	-	508.096.854	656.071.111	210.153.394	-		1.374.321.359
Số giảm trong năm	-	-	(198.611.114)	(26.020.000)	-		(224.631.114)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(198.611.114)	(26.020.000)	-		(224.631.114)
Số dư cuối năm	-	5.956.710.627	2.970.458.889	921.349.139	22.727.273		9.871.245.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	-	914.856.552	2.239.043.860	331.406.561	-		3.485.306.973
Số dư cuối năm	-	541.305.153	3.017.669.320	285.611.349	-		3.844.585.822



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.860.054.316	-
Số tăng trong năm	1.463.895.045	4.860.054.316
Số đã kết chuyển tăng chi phí trả trước dài hạn trong năm	(1.463.895.045)	-
Số dư cuối năm	4.860.054.316	4.860.054.316
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.860.054.316	4.860.054.316
- Dự án 123 Tô Hiệu	4.163.437.500	4.163.437.500
- Dự án T1 - T10 CT18 Việt Hưng	696.616.816	696.616.816
	4.860.054.316	4.860.054.316

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko ⁽¹⁾	2.610.000.000	2.610.000.000
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 ⁽²⁾	5.000.000.000	-
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng ⁽³⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
	12.610.000.000	7.610.000.000

(1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm.

(2) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(3) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	163.850.273	-
Thương hiệu HUD	-	277.500.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.030.977.637	2.129.646.722
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.090.839.363	-
	2.285.667.273	2.407.146.722

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	82.134.106.100	160.509.883.400
- Vay ngân hàng	46.823.348.800	111.499.129.400
- Vay cá nhân	35.310.757.300	49.010.754.000
	82.134.106.100	160.509.883.400

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	45.496.147.000	102.524.118.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô ⁽²⁾	1.327.201.800	8.975.011.400
Cá nhân ⁽³⁾	35.310.757.300	49.010.754.000
	82.134.106.100	160.509.883.400

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 31/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 232 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Cho vay ngắn hạn phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng tòa nhà ở kết hợp văn phòng cho thuê Golden Palace tại 121 - 123 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội;
- + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Thời hạn vay của mỗi khoản giải ngân không quá 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất huy động thực tế kỳ hạn 3 tháng VND của BIDV Hà Tây cộng phí dịch vụ ngân hàng tối thiểu 4%/năm; lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 là 17%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay và tài sản được hình thành từ vốn vay theo hợp đồng bảo đảm tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp quy định của BIDV;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 21.170.060.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTDHM ngày 22/08/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn rút vốn của hợp đồng đến hết 01/08/2012, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2011 là 17%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay/ Bên thứ ba, số dư tài khoản tiền gửi của Bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 20.686.287.000 đồng.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 01/2011/HĐTD ngày 03/06/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mức dư Nợ tối đa là 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của Hợp đồng: Từ ngày ký đến hết ngày 30/06/2012; Thời hạn cho vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD 3; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 3.639.800.000. đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12410/001/NHHM ngày 28/10/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 15 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn vay của các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (công ty mẹ);
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2011 là 1.327.201.800 đồng.

(3) Các khoản vay cá nhân với lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Công ty giao dịch tại từng thời điểm, thời hạn cho vay là 06 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.851.867.418	4.002.652.457
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.200.694.022	6.701.937.011
Thuế Thu nhập cá nhân	1.447.945.003	151.197.706
Các loại thuế khác	7.915.702	-
	10.508.422.145	10.855.787.174

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18 Việt Hưng, Hà Nội	15.311.563.250	46.888.095.150
Trích trước chi phí lãi vay	118.000.000	288.000.000
	15.429.563.250	47.176.095.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	118.390.214	21.354.389
Bảo hiểm xã hội	44.210.446	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.155.689.131	1.155.689.131
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	1.115
Phải trả các đội thi công	128.103.175.422	109.691.331.058
Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải trả đối tác về hạ tầng dự án Việt Hưng	-	9.670.861.068
Phải trả các bên góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Kiến Hưng	109.127.636	109.127.636
Phải trả đối tác tiền nộp quỹ xúc tiến đầu tư Dự án Hanel - HUD3	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	15.646.500.000	5.215.000.000
Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	2.014.958.139	561.621.401
Phải trả tiền thuế chuyển nhượng bất động sản	465.906.560	465.906.560
Phải trả ban an toàn chung Công ty	138.521.141	255.870.337
Phải trả tiền lãi vay vốn	2.789.341.628	4.811.389.312
Phải trả tiền ký quỹ khách hàng mua căn hộ T1-T10 Việt Hưng	687.684.800	528.000.000
Phải trả khác về các dự án	4.281.010.600	-
Phải trả, phải nộp khác	343.769.523	36.929.628
	191.381.285.240	168.006.081.635

5203
ÔNG
KHÔNG
CH VU T
CHÍNH
JA KIEM
AN KIEM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	2.954.800.604	18.946.605.510	4.594.356.315	(1.590.508.833)	74.905.253.596
Tăng vốn trong năm	49.999.440.000	-	-	-	-	49.999.440.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	37.159.842.271	37.159.842.271
Trích lập các quỹ	-	-	158.425.339	-	(158.425.339)	-
Tăng vốn từ nguồn thặng dư	-	(2.954.800.604)	-	-	-	(2.954.800.604)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	(17.069.102.396)	-	-	(17.069.102.396)
Tăng khác	-	-	-	-	8.011.189	8.011.189
Giảm khác	-	-	-	(8.011.189)	(561.621.401)	(569.632.590)
Số dư cuối năm trước	99.999.440.000	-	2.035.928.453	4.586.345.126	34.857.297.887	141.479.011.466
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	50.781.343.130	50.781.343.130
Trích lập các quỹ	-	-	7.579.575.331	1.540.288.292	(11.797.231.135)	(2.677.367.512)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(18.999.237.707)	(18.999.237.707)
Lợi nhuận phải chia cho đối tác ⁽¹⁾	-	-	-	-	(1.453.336.738)	(1.453.336.738)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	(1.721.245.852)	(1.721.245.852)
Số dư cuối năm nay	99.999.440.000	-	9.615.503.784	6.126.633.418	51.667.589.585	167.409.166.787

(1) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ là số lợi nhuận phải trả đối tác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án Khu nhà ở cao cấp và văn phòng cho thuê Golden Palace tại số 121 và 123 Tô Hiệu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

(2) Trong đó, Công ty điều chỉnh lại khoản tiền thuế Công ty đã kê khai và hạch toán miễn, giảm của quý IV năm 2008 và năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, tuy nhiên theo Công văn 15011/BTC-CST ngày 05/11/2010 của Bộ Tài chính thì Công ty không thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế theo quy định tại thông tư này số tiền 1.634.001.487 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tập đoàn HUD	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	49,00%	48.999.440.000	49,00%	48.999.440.000
	100%	99.999.440.000	100%	99.999.440.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	99.999.440.000
- Vốn góp đầu năm	99.999.440.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	49.999.440.000
- Vốn góp cuối năm	99.999.440.000	99.999.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.999.237.707	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.999.237.707	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.615.503.784	2.035.928.453
Quỹ dự phòng tài chính	6.126.633.418	4.586.345.126
	15.742.137.202	6.622.273.579

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	412.970.335.427	194.280.935.107
Doanh thu hợp đồng xây dựng	330.227.880.971	358.122.438.129
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	4.546.740.909	4.325.273.598
Doanh thu hoạt động thương mại	19.850.015.337	1.960.440.000
	767.594.972.644	558.689.086.834

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	510.297.718	1.471.661.181
	510.297.718	1.471.661.181

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bất động sản	412.970.335.427	194.280.935.107
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	329.717.583.253	356.650.776.948
Doanh thu thuần cho thuê máy móc thiết bị	4.546.740.909	4.325.273.598
Doanh thu thuần hoạt động thương mại	19.850.015.337	1.960.440.000
	767.084.674.926	557.217.425.653

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	340.328.198.503	150.545.337.701
Giá vốn hợp đồng xây dựng	309.004.506.827	335.119.395.376
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	467.733.216	2.046.913.780
Giá vốn hoạt động thương mại	18.321.310.063	1.922.000.000
	668.121.748.609	489.633.646.857

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	33.979.807.382	23.730.404.848
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	644.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	214.200.000	213.504.780
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.242.332.788	1.456.190.820
	36.436.340.170	26.044.100.448

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.380.711.810	18.746.210.970
Chi phí tài chính khác	500.000.000	-
	24.880.711.810	18.746.210.970

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí bảo hành công trình	951.505.740	-
	951.505.740	-

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	24.236.703.631	717.633.833
Chi phí nhân công	6.300.501.904	17.406.929.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.600.253.197	1.667.985.772
Thuế, phí, lệ phí	16.463.184	30.377.591
Chi phí dự phòng	-	439.079.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.427.440.782	1.031.479.066
Chi phí khác bằng tiền	7.565.995.492	4.826.442.897
	42.147.358.190	26.119.927.985

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.766.460.766	12.652.126.815
	16.766.460.766	12.652.126.815
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	1.634.001.487	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.701.937.011	8.567.071.048
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(18.901.705.242)	(14.517.260.852)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	6.200.694.022	6.701.937.011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	654.180.385	534.363.320
	<u>654.180.385</u>	<u>534.363.320</u>
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	125.613.611	(103.855.204)
	<u>125.613.611</u>	<u>(103.855.204)</u>

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	48.269.891.375	36.598.220.870
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.269.891.375	36.598.220.870
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.999.944	7.170.305
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.827</u>	<u>5.104</u>

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hợp đồng xây dựng	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	412.970.335.427	329.717.583.253	24.396.756.246	767.084.674.926	-	-	767.084.674.926	
Chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ	340.328.198.503	309.004.506.827	18.789.043.279	668.121.748.609	-	-	668.121.748.609	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	72.642.136.924	20.713.076.426	5.607.712.967	98.962.926.317	-	-	98.962.926.317	
Tài sản bộ phận	188.636.812.084	397.226.817.889	53.365.876.123	639.229.506.096	-	-	639.229.506.096	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	29.158.730.318	-	-	29.158.730.318	
Tổng tài sản				668.388.236.414	-	-	668.388.236.414	
Nợ phải trả của các bộ phận	155.781.432.122	269.330.378.670	12.185.143.000	437.296.953.792	-	-	437.296.953.792	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	50.203.422.129	-	-	50.203.422.129	
Tổng nợ phải trả				487.500.375.921	-	-	487.500.375.921	

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 (*)		5.000.000.000	-
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam	Công ty mẹ	178.182.116.312	245.018.174.145
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (*)		10.135.889.092	25.805.948.182
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6 (*)		17.104.805.454	31.715.089.091
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 (*)		336.228.182	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị số 9 (*)		1.118.596.364	9.936.176.365
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (*)		64.481.537.272	6.386.982.727
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao giải trí (*)		4.729.144.546	1.871.479.091
- Công ty CP Phát triển nhà và Đô thị Nha Trang (*)		3.822.437.818	-

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu tiền hàng			
- Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam	Công ty mẹ	55.790.855.650	62.322.435.769
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1 (*)		59.566.000	59.566.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD101 (*)		14.640.000	14.640.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (*)		1.793.585.400	1.541.393.600
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6 (*)		6.338.170.000	3.022.884.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 (*)		18.493.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị số 9 (*)		1.307.547.150	4.958.484.754
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (*)		7.054.079.460	351.284.050
Phải trả tiền hàng			
- Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam	Công ty mẹ	68.472.211.734	209.496.234.387
Phải trả khác			
- Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam	Công ty mẹ	35.616.344.933	42.163.570.333
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (*)		70.898.600	70.898.600
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6 (*)		800.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (*)		3.635.031.200	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao giải trí (*)		51.557.462	571.158.000
- Công ty CP Phát triển nhà và Đô thị Nha Trang (*)		509.039.600	1.560.210.000

(*) Các công ty này và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 đều là Công ty con của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Signature

Signature



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2012